



CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ ĐIỆN TÂY NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Pleiku, ngày 15 tháng 3 năm 2016

Số: 04/2016/CBTT-TIC

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GD&ĐT TP.HCM

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM

- Tên tổ chức : **CÔNG TY CP ĐẦU TƯ ĐIỆN TÂY NGUYÊN**
- Mã chứng khoán : **TIC**
- Địa chỉ trụ sở chính : 114 Trường Chinh, Tp.Pleiku, Gia Lai
- Điện thoại : 059.2222170
- Fax : 059.3748113
- Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thị Điều
- Địa chỉ : 114 Trường Chinh, Tp.Pleiku, Gia Lai.
- Điện thoại : 059.6552604
- Fax : 059.3823065

Loại công bố thông tin: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính năm 2015 Công ty cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên, đã được kiểm toán bởi Công ty trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam (có file báo cáo đính kèm)

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 15/3/2016 tại đường dẫn: <http://www.ticom.com.vn>.

Tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người thực hiện công bố thông tin

Nguyễn Thị Điều

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2015



EY

Building a better
working world

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 29

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Nhà máy Thủy điện IaĐrăng 1 trực thuộc Công ty Điện Gia Lai theo Quyết định số 1188/QĐ-UB do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Gia Lai cấp ngày 23 tháng 9 năm 2004. Việc cổ phần hóa này đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai phê duyệt thông qua việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3903000046 vào ngày 12 tháng 11 năm 2004, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau:

GCNĐKKD điều chỉnh số:

3903000046 – Điều chỉnh lần thứ nhất
3903000046 – Điều chỉnh lần thứ hai
3903000046 – Điều chỉnh lần thứ ba
5900328272 – Điều chỉnh lần thứ tư
5900328272 – Điều chỉnh lần thứ năm
5900328272 – Điều chỉnh lần thứ sáu
5900328272 – Điều chỉnh lần thứ bảy
5900328272 – Điều chỉnh lần thứ tám
5900328272 – Điều chỉnh lần thứ chín

Ngày:

ngày 19 tháng 5 năm 2006
ngày 17 tháng 5 năm 2007
ngày 28 tháng 7 năm 2007
ngày 10 tháng 1 năm 2008
ngày 18 tháng 3 năm 2008
ngày 14 tháng 1 năm 2009
ngày 25 tháng 9 năm 2009
ngày 1 tháng 9 năm 2010
ngày 7 tháng 6 năm 2011

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 12 tháng 10 năm 2009 theo Quyết định số 119/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 1 tháng 10 năm 2009.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện năng; xây dựng nhà các loại; xây dựng các công trình thủy lợi; xây lắp đường dây và trạm biến áp từ 35KV trở xuống; đầu tư, xây dựng các công trình vừa và nhỏ; xây dựng công trình công nghiệp; xây dựng công trình đường bộ; mua bán và chế biến hàng nông sản (trừ mủ cao su); trồng cây cao su; sản xuất sản phẩm cao su; kinh doanh dịch vụ thiết bị kỹ thuật điện; mua bán bất động sản; và kinh doanh dịch vụ du lịch nội địa và dịch vụ lưu trú ngắn ngày.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 114, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Thanh Lạc	Chủ tịch	
Ông Huỳnh Đoan	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Giang	Thành viên	
Bà Trần Thị Phương	Thành viên	
Ông Trần Nguyễn Hoàn	Thành viên	bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2015
Ông Lê Văn Minh	Thành viên	từ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2015

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đỗ Vũ Hải Hà	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2015
Ông Lưu Mạnh Thức	Trưởng ban	từ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2015
Bà Trần Thị Thu Hồng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Xuân Hường	Thành viên	bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2015
Ông Bùi Tấn Khải	Thành viên	từ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Bá Đài	Thành viên	từ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2015

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

GIÁM ĐỐC

Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Huỳnh Đoàn.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Phan Thanh Lạc.

Ông Huỳnh Đoàn được Ông Phan Thanh Lạc ủy quyền để ký báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo Quyết định số 05/2011/QĐ-HĐQT ngày 14 tháng 6 năm 2011.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.



Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

**Building a better
working world**

Số tham chiếu: 61121146/17876483

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên ("Công ty") được lập ngày 11 tháng 3 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 29, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Hàng Nhật Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1772-2013-004-1

Nguyễn Thanh Sang
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1541-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 11 tháng 3 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015


VND


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		63.155.182.301	61.680.756.502
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	785.660.276	362.166.690
111	1. Tiền		485.660.276	162.166.690
112	2. Các khoản tương đương tiền		300.000.000	200.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	4.878.493.666
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	5.600.000.000
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	△-	-	(721.506.334)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		62.206.014.720	56.273.579.433
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		-	318.762.685
135	2. Phải thu về cho vay ngắn hạn	20	17.250.000.000	12.480.000.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	5	44.956.014.720	43.474.816.748
140	IV. Hàng tồn kho	6	160.156.358	156.526.358
141	1. Hàng tồn kho		160.156.358	156.526.358
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.350.947	9.990.355
153	1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		3.350.947	9.990.355
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		196.003.398.166	197.342.429.553
210	I. Phải thu dài hạn		94.103.414.493	10.495.144.515
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	94.103.414.493	10.495.144.515
220	II. Tài sản cố định		1.807.468.066	1.813.190.447
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	1.781.218.066	1.771.940.447
222	Nguyên giá		5.600.479.811	5.365.479.811
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(3.819.261.745)	(3.593.539.364)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	26.250.000	41.250.000
228	Nguyên giá		45.000.000	45.000.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(18.750.000)	(3.750.000)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	10	100.039.758.323	184.895.708.298
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		100.039.758.323	184.895.708.298
260	IV. Tài sản dài hạn khác		52.757.284	138.386.293
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		52.757.284	138.386.293
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		259.158.580.467	259.023.186.055


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		30.686.971.806	33.931.204.912
310	I. Nợ ngắn hạn		30.686.971.806	33.931.204.912
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	142.957.370	4.500.000
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	908.761.802	65.789.730
315	3. Chi phí phải trả ngắn hạn		37.500.000	-
319	4. Phải trả ngắn hạn khác	13	29.156.923.974	33.485.983.611
322	5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		440.828.660	374.931.571
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	14.1	228.471.608.661	225.091.981.143
410	I. Vốn chủ sở hữu		228.471.608.661	225.091.981.143
411	1. Vốn cổ phần		246.569.880.000	246.569.880.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		246.569.880.000	246.569.880.000
415	2. Cổ phiếu quỹ		(26.791.024.482)	(26.791.024.482)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		6.224.100.430	5.283.743.345
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		2.468.652.713	29.382.280
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		29.382.280	29.382.280
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		2.439.270.433	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		259.158.580.467	259.023.186.055


Hồ Thị Anh Thư
Người lập


Hồ Thị Anh Thư
Kế toán trưởng


Huỳnh Đoàn
Giám đốc



Ngày 11 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng	15.1	19.858.298.474	3.186.867.075
11	2. Giá vốn hàng bán	18	8.462.495.326	1.712.138.683
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng		11.395.803.148	1.474.728.392
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	15.2	23.636.634.588	33.249.543.398
22	5. Chi phí tài chính	16	(721.506.334)	721.506.334
26	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	17, 18	2.024.320.018	1.289.075.794
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		33.729.624.052	32.713.689.662
31	8. Thu nhập khác		32.113.636	2.584.228
32	9. Chi phí khác		-	334
40	10. Lợi nhuận khác		32.113.636	2.583.894
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		33.761.737.688	32.716.273.556
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	19.1	1.251.679.378	107.422.804
60	13. Lợi nhuận sau thuế TNDN		32.510.058.310	32.608.850.752
70	14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	21	1.452	1.456
71	15. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	21	1.452	1.456



Hồ Thị Anh Thư
Người lập



Hồ Thị Anh Thư
Kế toán trưởng



Huỳnh Đoàn
Giám đốc

Ngày 11 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		33.761.737.688	32.716.273.556
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản	18	2.350.971.763	203.620.513
03	(Hoàn nhập dự phòng) dự phòng	16	(721.506.334)	721.506.334
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	15.2	(23.636.634.588)	(33.249.543.398)
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		11.754.568.529	391.857.005
09	Tăng các khoản phải thu		12.248.319.947	(23.563.811)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(3.630.000)	27.016.834
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		(23.770.457.152)	(1.246.773.949)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		85.629.009	(12.053.455)
13	Giảm (tăng) chứng khoán kinh doanh		5.600.000.000	(5.600.000.000)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	19.1	(271.992.656)	(65.544.006)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		85.629.009	-
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(29.382.280)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		5.698.684.406	(6.529.061.382)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(235.000.000)	(250.272.831)
23	Tiền chi cho vay		(19.350.000.000)	(12.600.000.000)
24	Tiền thu hồi từ cho vay		14.580.000.000	11.120.000.000
25	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác		(10.000.000.000)	-
27	Tiền thu từ lãi tiền gửi, tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		43.155.129.740	17.894.265.593
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		28.150.129.740	16.163.992.762


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
36	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	14.2	(33.425.320.560)	(10.075.953.472)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(33.425.320.560)	(10.075.953.472)
50	Tăng (giảm) tiền và tương đương tiền thuần trong năm		423.493.586	(441.022.092)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		362.166.690	803.188.782
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	785.660.276	362.166.690



Hồ Thị Anh Thư
Người lập



Hồ Thị Anh Thư
Kế toán trưởng



Huỳnh Đoàn
Giám đốc



Ngày 11 tháng 3 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Nhà máy Thủy điện IaĐrăng 1 trực thuộc Công ty Điện Gia Lai theo Quyết định số 1188/QĐ-UB do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Gia Lai cấp ngày 23 tháng 9 năm 2004. Việc cổ phần hóa này đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai phê duyệt thông qua việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3903000046 vào ngày 12 tháng 11 năm 2004, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau:

GCNĐKKD điều chỉnh số:

Ngày:

3903000046 – Điều chỉnh lần thứ nhất	ngày 19 tháng 5 năm 2006
3903000046 – Điều chỉnh lần thứ hai	ngày 17 tháng 5 năm 2007
3903000046 – Điều chỉnh lần thứ ba	ngày 28 tháng 7 năm 2007
5900328272 – Điều chỉnh lần thứ tư	ngày 10 tháng 1 năm 2008
5900328272 – Điều chỉnh lần thứ năm	ngày 18 tháng 3 năm 2008
5900328272 – Điều chỉnh lần thứ sáu	ngày 14 tháng 1 năm 2009
5900328272 – Điều chỉnh lần thứ bảy	ngày 25 tháng 9 năm 2009
5900328272 – Điều chỉnh lần thứ tám	ngày 1 tháng 9 năm 2010
5900328272 – Điều chỉnh lần thứ chín	ngày 7 tháng 6 năm 2011

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 12 tháng 10 năm 2009 theo Quyết định số 119/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 1 tháng 10 năm 2009.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện năng; xây dựng nhà các loại; xây dựng các công trình thủy lợi; xây lắp đường dây và trạm biến áp từ 35KV trở xuống; đầu tư, xây dựng các công trình vừa và nhỏ; xây dựng công trình công nghiệp; xây dựng công trình đường bộ; mua bán và chế biến hàng nông sản (trừ mủ cao su); trồng cây cao su; sản xuất sản phẩm cao su; kinh doanh dịch vụ thiết bị kỹ thuật điện; mua bán bất động sản; và kinh doanh dịch vụ du lịch nội địa và dịch vụ lưu trú ngắn ngày.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 114, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 3 người (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 4 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh*

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến việc áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã báo cáo lại dữ liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính năm nay như đã trình bày tại Thuyết minh số 24.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Công cụ, dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với công cụ, dụng cụ của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	6 - 24 năm
Máy móc và thiết bị	6 - 8 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Tài sản cố định khác	10 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

3.8 Các khoản đầu tư

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("HĐHTKD")

Các khoản đầu tư vào HĐHTKD của Công ty được thực hiện dưới hình thức phân chia lợi nhuận sau thuế (trong đó Công ty là bên không kế toán và không thực hiện quyết toán thuế). Theo đó, Công ty theo dõi và ghi nhận phần doanh thu và chi phí riêng biệt tương ứng theo tỷ lệ hợp tác của Công ty trong HĐHTKD vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Việc ghi nhận này được áp dụng phi hồi tố theo hướng dẫn của Thông tư 200.

Dự phòng giảm giá trị của chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác

Dự phòng cho việc giảm giá trị của chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.12 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm cộng số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được đo lường bằng giá trị hợp lý của các khoản phải thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận dựa trên số lượng điện thực tế đã bán và chuyển tải lên lưới điện theo giá bán điện đã thỏa thuận trước.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế hoặc lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế TNDN hiện hành phải nộp và tài sản thuế TNDN hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm trong tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế TNDN hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế TNDN hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	14.390.047	6.265.973
Tiền gửi ngân hàng	471.270.229	155.900.717
Các khoản tương đương tiền	300.000.000	200.000.000
TỔNG CỘNG	785.660.276	362.166.690

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại với thời hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi với lãi suất bình quân là 4,3%/ năm.

Các thông tin bổ sung cho báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Các giao dịch không bằng tiền trọng yếu đã được trình bày trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm nay theo quy định của Thông tư 200. Tuy nhiên, số tương ứng năm trước không được trình bày do Thông tư 200 không yêu cầu điều chỉnh hồi tố. Chi tiết như sau:		
Thu lãi và lợi nhuận được chia theo hình thức cán trừ công nợ	21.770.346.000	18.263.280.522
Cổ tức chi trả theo hình thức cán trừ công nợ	21.770.346.000	18.975.006.595

5. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu lãi được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	23.305.547.721	32.000.677.685
Phải thu hoàn vốn từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	21.163.944.249	10.961.862.397
Phải thu lãi cho vay	474.506.500	512.276.666
Khác	12.016.250	-
TỔNG CỘNG	44.956.014.720	43.474.816.748
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh số 20)</i>	44.943.998.470	43.474.816.748
<i>Các bên khác</i>	12.016.250	-

6. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	160.156.358	156.526.358

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Phải thu dài hạn khác thể hiện khoản góp vốn liên doanh với Công ty Cổ phần Điện Gia Lai theo các hợp đồng hợp tác đầu tư vào các nhà máy thủy điện sau đây (*Thuyết minh số 20*):

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhà máy Thủy điện ĐăkPiHao 2	47.886.496.928	-
Nhà máy Thủy điện IaPuch 3	36.259.018.986	-
Nhà máy Thủy điện IaĐrăng 3 và Nhà máy Thủy điện IaMeur 3	9.957.898.579	10.495.144.515
TỔNG CỘNG	<u>94.103.414.493</u>	<u>10.495.144.515</u>

Phần doanh thu và chi phí tương ứng của Công ty trong các hợp đồng hợp tác kinh doanh này cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

	VND
	Năm nay
Doanh thu thuần về bán hàng (<i>Thuyết minh số 15.1</i>)	17.038.887.288
Giá vốn hàng bán	6.691.691.311
Chi phí quản lý doanh nghiệp	603.446.770
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.743.749.207
Chi phí thuế TNDN hiện hành	940.357.087
Lợi nhuận sau thuế TNDN	<u>8.803.392.120</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND				
	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Tài sản cố định khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:					
Số đầu năm	3.133.103.240	2.064.467.199	124.419.372	43.490.000	5.365.479.811
Mua trong năm	-	235.000.000	-	-	235.000.000
Số cuối năm	<u>3.133.103.240</u>	<u>2.299.467.199</u>	<u>124.419.372</u>	<u>43.490.000</u>	<u>5.600.479.811</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	1.584.426.368	124.419.372	-	1.708.845.740
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	1.823.590.133	1.642.630.525	124.419.372	2.899.334	3.593.539.364
Khấu hao trong năm	146.357.522	75.015.858	-	4.349.001	225.722.381
Số cuối năm	<u>1.969.947.655</u>	<u>1.717.646.383</u>	<u>124.419.372</u>	<u>7.248.335</u>	<u>3.819.261.745</u>
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	<u>1.309.513.107</u>	<u>421.836.674</u>	<u>-</u>	<u>40.590.666</u>	<u>1.771.940.447</u>
Số cuối năm	<u>1.163.155.585</u>	<u>581.820.816</u>	<u>-</u>	<u>36.241.665</u>	<u>1.781.218.066</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

		VND
		<i>Phần mềm máy tính</i>
Nguyên giá:		
Số đầu năm và số cuối năm	<u>45.000.000</u>	
Giá trị hao mòn lũy kế:		
Số đầu năm	3.750.000	
Hao mòn trong năm	<u>15.000.000</u>	
Số cuối năm	<u>18.750.000</u>	
Giá trị còn lại:		
Số đầu năm	<u>41.250.000</u>	
Số cuối năm	<u>26.250.000</u>	

10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

		VND	
		<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
- Cùng góp vốn đầu tư với Công ty Cổ phần Điện Gia Lai (<i>Thuyết minh số 20</i>) (*)	90.039.758.323	184.895.708.298	
- Đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú (<i>Thuyết minh số 20</i>) (**)	<u>10.000.000.000</u>	<u>-</u>	
TỔNG CỘNG	<u>100.039.758.323</u>	<u>184.895.708.298</u>	

(*) Số dư cuối năm thể hiện khoản cùng đầu tư với Công ty Cổ phần Điện Gia Lai để thành lập một liên doanh cùng góp vốn xây dựng các công trình nhà máy thủy điện sau đây:

		VND	
		<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Nhà máy Thủy điện H'Mun	67.559.232.339	67.559.232.339	
Nhà máy Thủy điện H'Chan	22.480.525.984	24.366.051.059	
Nhà máy Thủy điện ĐăkPiHao 2	-	53.357.158.272	
Nhà máy Thủy điện IaPuch 3	-	<u>39.613.266.628</u>	
TỔNG CỘNG	<u>90.039.758.323</u>	<u>184.895.708.298</u>	

(**) Chi tiết khoản đầu tư này như sau:

		VND	
		<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
		<i>Số lượng cổ phiếu</i>	<i>Giá trị</i>
		<i>Số lượng cổ phiếu</i>	<i>Giá trị</i>
Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú	1.000.000	<u>10.000.000.000</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan (<i>Thuyết minh số 20</i>)	138.457.370	-
Bên khác	4.500.000	4.500.000
TỔNG CỘNG	142.957.370	4.500.000

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp/cán trừ trong năm	Số cuối năm
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp (<i>Thuyết minh số 19.1</i>)	-	1.241.689.023	1.212.349.743	29.339.280
Thuế giá trị gia tăng	25.673.064	1.985.891.212	1.142.374.237	869.190.039
Thuế thu nhập cá nhân	19.329.541	581.245.138	600.574.679	-
Thuế tài nguyên	20.787.125	177.248.528	187.803.170	10.232.483
TỔNG CỘNG	65.789.730	3.986.073.901	3.143.101.829	908.761.802
Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp (<i>Thuyết minh số 19.1</i>)	9.990.355	-	9.990.355	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	3.350.947	-	3.350.947
TỔNG CỘNG	9.990.355	3.350.947	9.990.355	3.350.947

13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số đầu năm	Số cuối năm
Cổ tức phải trả	29.043.129.930	33.453.229.381
Khác	113.794.044	32.754.230
TỔNG CỘNG	29.156.923.974	33.485.983.611
<i>Trong đó:</i>		
Bên liên quan (<i>Thuyết minh số 20</i>)	19.062.718.143	21.770.346.000
Các bên khác	10.094.205.831	11.715.637.611

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

14.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	VND				
	Vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước					
Số đầu năm	246.569.880.000	(26.791.024.482)	5.137.235.865	7.839.456.262	232.755.547.645
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	32.608.850.752	32.608.850.752
Cổ tức công bố	-	-	-	(40.109.373.000)	(40.109.373.000)
Trích lập quỹ	-	-	146.507.480	(146.507.480)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(163.044.254)	(163.044.254)
Số cuối năm	<u>246.569.880.000</u>	<u>(26.791.024.482)</u>	<u>5.283.743.345</u>	<u>29.382.280</u>	<u>225.091.981.143</u>
Năm nay					
Số đầu năm	246.569.880.000	(26.791.024.482)	5.283.743.345	29.382.280	225.091.981.143
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	32.510.058.310	32.510.058.310
Cổ tức công bố	-	-	-	(28.967.880.500)	(28.967.880.500)
Trích lập quỹ	-	-	940.357.085	(940.357.085)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(162.550.292)	(162.550.292)
Số cuối năm	<u>246.569.880.000</u>	<u>(26.791.024.482)</u>	<u>6.224.100.430</u>	<u>2.468.652.713</u>	<u>228.471.608.661</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

14.2 Các giao dịch về vốn với các cổ đông và phân phối cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã góp		
Số đầu năm và cuối năm	246.569.880.000	246.569.880.000
Cổ tức		
Cổ tức công bố	28.967.880.500	40.109.373.000
Cổ tức chi trả	33.425.320.560	29.050.960.067
- Chi bằng tiền	11.654.974.560	10.075.953.472
- Cấn trừ công nợ	21.770.346.000	18.975.006.595

14.3 Cổ phiếu

	Số cuối năm (Cổ phiếu)	Số đầu năm (Cổ phiếu)
Cổ phiếu được phép phát hành	24.656.988	24.656.988
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	24.656.988	24.656.988
Cổ phiếu quỹ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(2.374.003)	(2.374.003)
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	22.282.985	22.282.985

15. DOANH THU

15.1 Doanh thu thuần về bán hàng

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán điện thương phẩm	19.858.298.474	3.186.867.075
Trong đó:		
Phần doanh thu được chia từ HĐHTKD (Thuyết minh số 7)	17.038.887.288	-
Doanh thu thực hiện được của Công ty	2.819.411.186	3.186.867.075

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15 DOANH THU (tiếp theo)

15.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi từ góp vốn liên doanh	22.705.982.348	32.155.349.678
Lãi tiền gửi và tiền cho vay	930.652.240	1.094.193.720
TỔNG CỘNG	<u>23.636.634.588</u>	<u>33.249.543.398</u>

16. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
(Hoàn nhập dự phòng) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	<u>(721.506.334)</u>	<u>721.506.334</u>

17. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí vật liệu quản lý	10.695.696	-
Chi phí nhân công	940.699.324	454.426.797
Chi phí dịch vụ mua ngoài	85.611.800	33.988.690
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	45.043.884	3.750.000
Chi phí khác	942.269.314	796.910.307
TỔNG CỘNG	<u>2.024.320.018</u>	<u>1.289.075.794</u>

18. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	1.186.981.621	220.774.177
Chi phí nhân công	2.196.786.234	693.326.797
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.668.172.410	1.515.482.683
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	2.350.971.763	203.620.513
Chi phí khác	1.083.903.316	368.010.307
TỔNG CỘNG	<u>10.486.815.344</u>	<u>3.001.214.477</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Công ty là 22% thu nhập chịu thuế.

Đối với Nhà máy Thủy điện IaĐrăng 1, Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi là 10% trong mười lăm (15) năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh (năm 2002). Công ty được miễn thuế TNDN trong bốn (4) năm kể từ khi dự án có thu nhập chịu thuế (năm 2002) và được giảm 50% thuế TNDN trong chín (9) năm tiếp theo.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

19.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và thu nhập chịu thuế:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	33.761.737.688	32.716.273.556
Các điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận theo kế toán		
Lãi góp vốn liên doanh	(22.705.982.348)	(32.155.349.678)
Chi phí không được khấu trừ	244.615.174	311.609.848
Thu nhập chịu thuế ước tính	11.300.370.514	872.533.726
Thuế TNDN ước tính	1.251.679.378	107.422.804
Thuế TNDN phải thu đầu năm	(9.990.355)	(51.869.153)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(271.992.656)	(65.544.006)
Thuế TNDN đã nộp bởi các bên liên doanh trong năm	(940.357.087)	-
Thuế TNDN phải trả (phải thu) cuối năm	29.339.280	(9.990.355)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty.

Các nghiệp vụ trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm như sau:

				VND	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>	
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Công ty mẹ	Lãi góp vốn liên doanh	22.705.982.348	32.155.349.678	
		Chia cổ tức	18.954.044.200	26.122.915.200	
		Doanh thu được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	17.038.887.288	-	
		Chi phí được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	7.295.138.081	-	
		Doanh thu bán điện thương phẩm	2.818.140.162	3.174.955.955	
		Cung cấp dịch vụ	1.023.261.647	1.020.367.418	
		Trả hộ	92.525.595	221.594.380	
		Lãi cho vay	20.377.777	160.277.779	
		Phí dịch vụ tư vấn quản lý doanh nghiệp	163.636.364	147.000.000	
		Chi phí thuê văn phòng	70.909.092	54.545.456	
		Công ty Cổ phần Thủy điện Kênh Bắc - Ayun Hạ	Bên liên quan	Lãi cho vay	433.484.278
Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú	Bên liên quan	Đầu tư tài chính dài hạn	10.000.000.000	-	
Công ty TNHH MTV Xây lắp và Cơ điện Gia Lai	Bên liên quan	Cho vay ngắn hạn	19.350.000.000	-	
		Lãi cho vay	428.689.585	-	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

VND				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>				
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Công ty mẹ	Doanh thu bán điện thương phẩm	-	318.762.685
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn</i>				
Công ty Cổ phần Thủy điện Kênh Bắc – Ayun Hạ	Bên liên quan	Cho vay ngắn hạn	-	10.880.000.000
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Công ty mẹ	Cho vay ngắn hạn	-	1.600.000.000
Công ty TNHH MTV Xây lắp và Cơ điện Gia Lai	Bên liên quan	Cho vay ngắn hạn	17.250.000.000	-
TỔNG CỘNG			17.250.000.000	12.480.000.000
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>				
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Công ty mẹ	Lãi góp vốn liên doanh	23.305.547.721	32.000.677.685
		Góp vốn liên doanh	21.163.944.249	10.961.862.397
Công ty Cổ phần Thủy điện Kênh Bắc – Ayun Hạ	Bên liên quan	Lãi cho vay	474.506.500	512.276.666
TỔNG CỘNG			44.943.998.470	43.474.816.748
<i>Phải thu dài hạn khác</i>				
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Công ty mẹ	Góp vốn liên doanh	94.103.414.493	10.495.144.515
<i>Đầu tư tài chính dài hạn</i>				
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Công ty mẹ	Góp vốn liên doanh	90.039.758.323	184.895.708.298
Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú	Bên liên quan	Đầu tư tài chính dài hạn	10.000.000.000	-
TỔNG CỘNG			100.039.758.323	184.895.708.298

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

VND				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Công ty mẹ	Dịch vụ quản lý	138.457.370	-
Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Công ty mẹ	Cổ tức Chi hộ	18.954.044.200 108.673.943	21.770.346.000 -
TỔNG CỘNG			19.062.718.143	21.770.346.000

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc trong năm:

VND		
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương và thưởng	523.201.334	721.013.955

21. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi trên cổ phiếu được tính toán như sau:

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận sau thuế TNDN (VND)	32.510.058.310	32.608.850.752
Trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	162.550.292	163.044.254
Lợi nhuận thuần trong năm phân bổ cho cổ đông của Công ty (VND)	32.347.508.018	32.445.806.498
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân (cổ phiếu)	22.282.985	22.282.985
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/ cổ phiếu)	1.452	1.456
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/ cổ phiếu)	1.452	1.456

Không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm tàng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này.

22. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện năng. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động này được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	70.909.091	60.000.000

24. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 200 của báo cáo tài chính của năm nay. Chi tiết như sau:

	VND	
	Số đầu năm (đã được trình bày trước đây)	Số đầu năm (được trình bày lại)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

		Số đầu năm (đã được trình bày trước đây)	Ảnh hưởng của trình bày lại	Số đầu năm (được trình bày lại)
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	12.480.000.000		12.480.00.000
Chứng khoán kinh doanh	-	5.600.000.000		5.600.000.000
Đầu tư ngắn hạn	18.080.000.000	(18.080.000.000)		-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-	(721.506.334)		(721.506.334)
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(721.506.334)	721.506.334		-
Phải thu dài hạn khác	-	10.495.144.515		10.495.144.515
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	184.895.708.298		184.895.708.298
Đầu tư dài hạn khác	195.390.852.813	(195.390.852.813)		-

25. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty




Hồ Thị Anh Thư
Người lập



Hồ Thị Anh Thư
Kế toán trưởng




Huỳnh Đoàn
Giám đốc

Ngày 11 tháng 3 năm 2016